

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa
thăm dò khoáng sản mỏ cát thủy điện Nậm Na 1 (vị trí 2),
xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 776/TTr-SNNMT ngày 05 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản mỏ cát thủy điện Nậm Na 1 (vị trí 2), xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

(Có kế hoạch chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân xã Phong Thổ tổ chức thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định của Luật Đấu giá tài sản; Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 147/2025/QH15; Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Thời gian thực hiện: Năm 2026, trường hợp trong năm 2026 chưa thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc tổ chức đấu giá không thành công, sẽ được chuyển sang đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong năm tiếp theo.

3. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, giao Sở Nông nghiệp và Môi trường hằng năm. Trường hợp kinh phí được giao không bảo đảm để thực hiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập dự toán kinh phí, gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bổ sung kinh phí theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phong Thổ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Lai Châu (truyền tin);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- VP UBND tỉnh: V1, V2, Kt1, CB;
- Lưu: VT, Kt7.

(Báo cáo)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trọng Hải

KẾ HOẠCH

**Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản
mỏ cát thủy điện Nậm Na 1 (vị trí 2), xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích:

Thực hiện cấp giấy phép hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 147/2025/QH15 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Tăng cường công tác quản lý, khai thác và sử dụng khoáng sản hợp lý, tiết kiệm, gắn với yêu cầu phát triển bền vững; nâng cao hiệu quả kinh tế, phát huy tiềm năng khoáng sản, thu hút nhà đầu tư có đủ năng lực khai thác hiệu quả tài nguyên khoáng sản, đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

2. Yêu cầu:

Khu vực khoáng sản được đưa ra đấu giá phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch sử dụng đất; không thuộc khu vực đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu khoanh định vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; không thuộc khu vực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản còn đang hoạt động; đảm bảo các điều kiện để cấp phép hoạt động khoáng sản.

Loại khoáng sản tổ chức đấu giá quyền khai thác phải đúng thẩm quyền cấp phép hoạt động khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định hiện hành.

Việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải bảo đảm theo đúng quy định của Luật Đấu giá tài sản; Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 147/2025/QH15; Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

II. Nội dung

1. Khu vực đấu giá

Mỏ cát thủy điện Nậm Na 1 (vị trí 2), xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, diện tích 9,0 ha, giới hạn bởi các điểm khếp góc từ 01 đến 31 (Có tọa độ các điểm khếp góc khu vực khoáng sản tại phụ lục kèm theo).

Yêu cầu, điều kiện: Hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi phải bảo đảm an toàn cho đập, hồ chứa thủy điện Nậm Na 1 theo quy định của pháp luật. Thời hạn hoạt động khoáng sản đến hết năm 2030.

2. Phương thức tiến hành

Tổ chức cuộc đấu giá theo đúng quy định của Luật Đấu giá tài sản; Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 147/2025/QH15; Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Thời gian thực hiện

Năm 2026, trường hợp trong năm 2026 chưa thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc tổ chức đấu giá không thành công, sẽ được chuyển sang đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong năm tiếp theo.

4. Kinh phí thực hiện

Từ nguồn kinh phí đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường hàng năm. Trường hợp nguồn kinh phí trên không đảm bảo để thực hiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập dự toán kinh phí thực hiện, gửi Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp bổ sung kinh phí để thực hiện.

III. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

Tổ chức lựa chọn và hợp đồng thuê đơn vị tư vấn lập đề án, thực hiện đánh giá tiềm năng, lập báo cáo kết quả đánh giá tiềm năng, trình phê duyệt đề án, báo cáo kết quả đánh giá tiềm năng theo quy định hiện hành và các điều kiện khác để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đảm bảo quy định.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xác định, trình phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước, tiêu chí về vốn chủ sở hữu của tổ chức tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các mỏ được phê duyệt.

Lựa chọn và hợp đồng thuê tổ chức đấu giá chuyên nghiệp đáp ứng điều kiện theo quy định hiện hành để thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản; thông báo kết quả trúng đấu giá; trình phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

2. Các sở, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân xã Phong Thổ theo chức năng nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình triển khai công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai nếu có những vướng mắc, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

PHỤ LỤC
TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH MỎ CÁT THỦY ĐIỆN NẬM NA 1 (VỊ TRÍ 2), XÃ
PHONG THỎ, TỈNH LAI CHÂU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Địa điểm	Khoáng sản	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 103°, múi chiếu 3°		Yêu cầu, điều kiện
			X	Y	
Mỏ cát thủy điện Nậm Na 1 (vị trí 2), xã Phong Thổ	Cát VLXDTT	1	2501064,00	524241,00	1. Hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi phải bảo đảm an toàn cho đập, hồ chứa thủy điện Nậm Na 1 theo quy định của pháp luật 2. Thời hạn hoạt động khoáng sản đến hết năm 2030
		2	2501007,00	524198,00	
		3	2500866,00	524152,00	
		4	2500829,00	524098,00	
		5	2500796,00	524002,00	
		6	2500784,00	523909,00	
		7	2500781,00	523735,00	
		8	2500786,00	523643,00	
		9	2500808,00	523563,00	
		10	2500849,00	523542,00	
		11	2500935,00	523563,00	
		12	2500997,00	523509,00	
		13	2501040,00	523413,00	
		14	2501054,00	523348,00	
		15	2501045,00	523228,00	
		16	2501025,00	523137,00	
		17	2500981,00	523144,00	
		18	2501000,00	523247,00	
		19	2501001,00	523378,00	
		20	2500972,00	523458,00	
		21	2500930,00	523514,00	
		22	2500809,00	523496,00	
		23	2500765,00	523525,00	
		24	2500736,00	523577,00	
		25	2500705,00	523821,00	
		26	2500714,00	523992,00	
		27	2500738,00	524105,00	
		28	2500784,00	524174,00	
		29	2500830,00	524203,00	
		30	2500900,00	524224,00	
		31	2501021,00	524298,00	
		Diện tích: 9,0 ha			